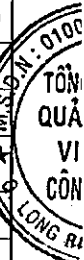


**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
1	2	3		5
<b>A - Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>2.841.601.126.284</b>	<b>2.679.135.050.414</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>791.481.996.601</b>	<b>749.702.848.041</b>
1. Tiền	111		750.717.181.209	640.435.516.520
2. Các khoản tương đương tiền	112		40.764.815.392	109.267.331.521
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.330.000.000.000</b>	<b>1.230.000.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		1.330.000.000.000	1.230.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>690.636.162.823</b>	<b>658.495.303.819</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	574.791.116.119	596.480.488.390
2. Trả trước cho người bán	132		97.270.132.109	29.288.579.971
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	23.017.504.982	37.157.767.365
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(4.442.590.387)	(4.431.531.907)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>24.020.137.671</b>	<b>21.800.576.413</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.262.319.524	22.042.758.266
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(242.181.853)	(242.181.853)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.462.829.189</b>	<b>19.136.322.141</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	3.764.981.504	11.605.202.089
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.205.187.679	3.017.965.590
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153		492.660.006	4.513.154.462
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.400.223.174.647</b>	<b>1.544.273.563.412</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>300.052.902</b>	<b>310.052.902</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.3	300.052.902	310.052.902
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.277.559.070.874</b>	<b>1.378.169.465.398</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	1.197.771.582.317	1.292.101.495.657
- Nguyên giá	222		4.376.756.919.026	4.265.376.163.362
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(3.178.985.336.709)	(2.973.274.667.705)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	79.787.488.557	86.067.969.741
- Nguyên giá	228		160.794.557.949	157.655.445.023
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(81.007.069.392)	(71.587.475.282)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>95.282.315.462</b>	<b>138.310.716.972</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.8	95.282.315.462	138.310.716.972
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>27.081.735.409</b>	<b>27.483.328.200</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	1.928.850.024	2.595.782.025
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		25.152.885.385	24.887.546.175
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4.241.824.300.931</b>	<b>4.223.408.613.886</b>




**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
<b>C - Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>1.024.014.071.843</b>	<b>1.164.749.947.704</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>885.373.229.336</b>	<b>1.054.835.584.301</b>
2. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	35.097.943.481	83.763.972.452
3. Người mua trả tiền trước	312		17.985.388.103	7.457.079.822
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	397.818.965.134	432.142.597.547
5. Phải trả người lao động	314		203.698.884.394	284.005.190.213
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.11	102.829.981.559	27.954.536.510
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		198.632.727	951.361.714
10. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.12	69.040.543.239	58.449.628.217
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		1.505.038.965	1.513.150.424
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		57.197.851.734	158.598.067.402
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>138.640.842.507</b>	<b>109.914.363.403</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		77.779.921	77.779.921
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		31.428.525.284	27.647.343.800
6. Phải trả dài hạn khác	337		48.603.839.496	43.341.469.495
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		58.530.697.806	38.847.770.187
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.217.810.229.088</b>	<b>3.058.658.666.182</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.13</b>	<b>3.217.810.229.088</b>	<b>3.058.658.666.182</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.830.677.162.236	2.830.699.760.530
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		384.465.462.322	227.010.465.227
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.667.604.530	948.440.500
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.969.094.032	945.587.300
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		698.510.498	2.857.093
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4.241.824.300.931</b>	<b>4.223.408.613.886</b>


Lập, ngày 17 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



Hoàng Anh Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Quỳnh Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Hữu Gia

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM**

Đc: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên, TP. Hà Nội

Mẫu số : B 02a-DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II/2018		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp hàng hóa và dịch vụ	01	6.1	991.780.703.551	816.681.272.545	1.891.409.922.801	1.633.163.770.330
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	10.460.643.955	7.585.832.346	20.369.279.924	14.873.963.793
Doanh thu thuần từ hàng hóa và dịch vụ	10	6.3	981.320.059.596	809.095.440.199	1.871.040.642.877	1.618.289.806.537
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	11	6.4	659.979.910.158	559.991.905.590	1.218.394.958.840	1.129.415.766.389
Lợi nhuận gộp về bán hàng và CC DV	20		321.340.149.438	249.103.534.609	652.645.684.037	488.874.040.148
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.5	20.700.363.755	11.937.051.735	30.853.608.499	20.702.491.361
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.6	294.001.654	2.305.598.916	353.922.418	6.030.830.348
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1.285.042.812	-	1.285.042.812
Chi phí bán hàng	24		415.785	-	2.035.705	4.853.629
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.228.608.322	13.282.363.248	23.332.159.701	25.480.582.586
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		329.517.487.432	245.452.624.180	659.811.174.712	478.060.264.946
Thu nhập khác	31		924.332.224	681.524.390	1.090.181.009	856.814.194
Chi phí khác	32		397.529.186	313.094.424	429.542.512	383.907.705
Lợi nhuận khác	40		526.803.038	368.429.966	660.638.497	472.906.489
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		330.044.290.470	245.821.054.146	660.471.813.209	478.533.171.435
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	66.067.886.844	49.176.994.431	132.259.764.192	96.270.723.533



Lợi nhuận sau thuế thu nhập DN	60		263.976.403.626	196.644.059.715	528.212.049.017	382.262.447.902
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		263.976.403.626	196.644.059.715	528.212.049.017	382.262.447.902

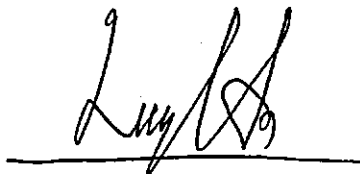
Hà nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU



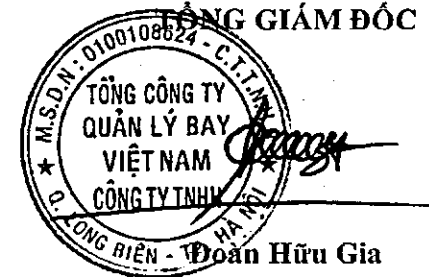
Hoàng Anh Việt

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngô Thị Quỳnh Hà

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đoàn Hữu Gia



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>		<i>5</i>
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.099.470.128.569	1.806.952.133.047
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02		(424.388.256.424)	(389.931.573.481)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(729.904.149.492)	(664.309.065.440)
Tiền chi trả lãi vay	04		-	(1.499.474.492)
Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(120.618.544.150)	(88.509.143.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.011.881.076.889	1.225.966.786.066
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.597.958.922.432)	(1.628.851.197.721)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>238.481.332.960</b>	<b>259.818.464.714</b>
Tiền chi để mua sắm xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(138.923.683.638)	(106.139.897.152)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		12.407.272	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	(78.230.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.103.475.964	20.300.251.437
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(197.807.800.402)</b>	<b>(164.069.645.715)</b>
Tiền thu từ đi vay	33			242.941.800
Tiền chi trả gốc vay	34			(3.793.928.208)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>40</b>			<b>(3.550.986.408)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>40.673.532.558</b>	<b>92.197.832.591</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>749.702.848.041</b>	<b>750.258.301.221</b>
<b>Anh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>1.105.616.002</b>	<b>(431.780.720)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>791.481.996.601</b>	<b>842.024.353.092</b>

Ngày 17 tháng 7 năm 2018

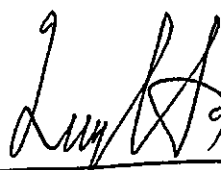
NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

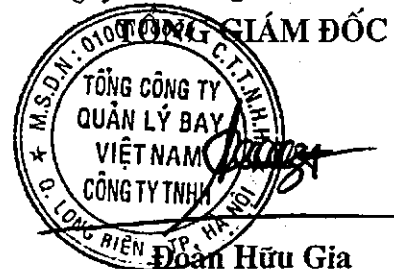
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Việt



Ngô Thị Quỳnh Hà



Đoàn Hữu Gia

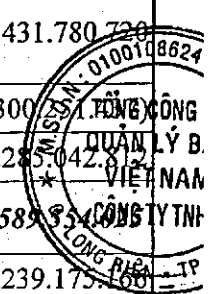
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		660.471.813.209	478.533.171.435
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		215.230.647.860	512.639.704.560
Các khoản dự phòng	03		(11.058.480)	105.935
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.105.616.002)	431.780.720
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(41.115.883.236)	(20.300.251.435)
Chi phí lãi vay	06			1.285.042.812
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>833.469.903.351</b>	<b>972.589.354.660</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.746.349.626)	9.239.175.660
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.219.561.258)	(4.477.483.456)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(9.676.934.852,67)	(135.676.232.321,00)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.507.152.586	5.893.920.842
Tiền lãi vay đã trả	14			(1.285.042.812)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(120.618.544.150)	(88.509.143.265)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.955.621.964	90.349.222
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(452.189.955.054)	(498.046.632.687)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>238.481.332.960</b>	<b>259.818.464.714</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(138.923.683.638)	(106.139.897.152)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		12.407.272	
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(100.000.000.000)	(78.230.000.000)
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.103.475.964	20.300.251.437
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(197.807.800.402)</b>	<b>(164.069.645.715)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33			242.941.800
Tiền trả nợ gốc vay	34			(3.793.928.208)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>			<b>(3.550.986.408)</b>



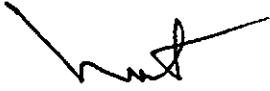
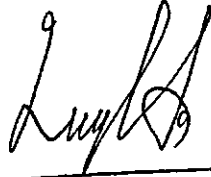
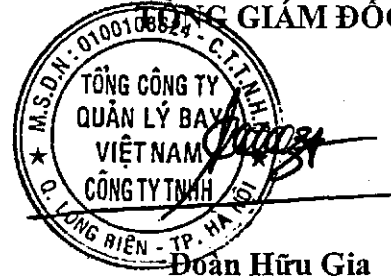
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		40.673.532.558	92.197.832.591
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		749.702.848.041	750.258.301.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.105.616.002	(431.780.720)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		791.481.996.601	842.024.353.092

Lập, ngày 17 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

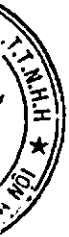
TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoàng Anh Việt

Ngô Thị Quỳnh Hà

Đoàn Hữu Gia



**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH - HỢP NHẤT**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Đơn vị: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
A	B	1	2	3	4=1+2-3
Thuế	10	131.053.888.507	279.800.982.071	324.371.628.417	86.483.242.161
Thuế GTGT hàng bán nội địa	11	1.179.566.778	45.080.649.797	38.146.757.391	8.113.459.184
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		194.782.482	194.782.482	
Thuế Xuất, nhập khẩu	14		52.105.868	52.105.868	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	15	50.392.374.641	132.259.764.192	119.622.264.111	63.029.874.722
Tiền thuê đất, thuê đất	17	75.433.594.658	34.121.456.744	109.555.051.402	
Các khoản thuế khác	19	4.048.352.430	68.092.222.988	56.800.667.163	15.339.908.255
Thuế môn bài			14.000.000	14.000.000	
Thuế thu nhập cá nhân		4.402.298.336	64.635.760.815	53.344.204.990	15.693.854.161
Thuế nhà thầu		(353.945.906)	3.442.462.173	3.442.462.173	(353.945.906)
Các khoản phải nộp khác	30	296.575.554.578	1.219.413.690.931	1.205.146.182.542	310.843.062.967
Các khoản phí, lệ phí	32	217.717.411.797	990.574.916.471	1.006.811.321.713	201.481.006.555
Thu lợi nhuận sau thuế	33	78.858.142.781	228.745.294.460	198.241.380.829	109.362.056.412
Nộp khác	34		93.480.000	93.480.000	
<b>TỔNG CỘNG (40=10+30)</b>	<b>40</b>	<b>427.629.443.085</b>	<b>1.499.214.673.002</b>	<b>1.529.517.810.959</b>	<b>397.326.305.128</b>

Hà nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Anh Việt

Ngô Thị Quỳnh Hà

Đoàn Hữu Gia



# TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam (sau đây gọi tắt là “ Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Bảo đảm hoạt động bay Việt Nam, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108624 ngày 30/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 07 ngày 19/06/2018.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là: 3.057.710.225.583 đồng (Ba nghìn không trăm năm mươi bảy tỷ, bảy trăm mười triệu, hai trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng). Theo Quyết định số 1237/QĐ-BGTVT ngày 22/4/2016 của Bộ Giao thông vận tải, vốn điều lệ của Tổng công ty Quản lý bay Việt Nam đến ngày 31/12/2018 là 3.138.401.000.000 đồng (Ba nghìn một trăm ba mươi tám tỷ, bốn trăm linh một triệu đồng), sẽ được bổ sung từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp trích lập từ lợi nhuận sau thuế các năm 2016, 2017, 2018 và phần dư Quỹ đầu tư phát triển năm 2015.

Bộ Giao thông Vận tải được phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của Chủ sở hữu Nhà nước đối với Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam theo quy định của pháp luật.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.

#### 1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không. Chi tiết: Dịch vụ đảm bảo hoạt động bay;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học xã hội và nhân văn. Chi tiết: Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới,...);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ ăn uống khác (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao (trừ câu lạc bộ bắn súng);
- Hoạt động thể thao khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí chưa được phân vào đâu (trừ các hoạt động Nhà nước cấm);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết:
  - + Thiết kế kiến trúc công trình;
  - + Thiết kế nội, ngoại thất công trình;
  - + Thiết kế hệ thống điện công trình dân dụng và công nghiệp;
  - + Thiết kế hệ thống điện công trình sân bay;
  - + Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và trạm biến áp đến 500KV;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Tổng Công ty chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.



# **TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

#### **2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các Công ty con. Các giao dịch và số dư nội bộ đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này là:

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay

- Địa chỉ: Số 5 ngõ 200 đường Nguyễn Sơn, quận Long Biên, Hà Nội.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

#### **2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

#### **3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong năm tài chính.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc năm tài chính của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

### **3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

### **3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Tổng Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào trình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

### **3.6 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên. Phương pháp tính giá xuất hàng tồn kho: theo phương pháp đích danh.

Đối với các vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay, căn cứ văn bản số 6951/BTC-TCDN ngày 26/5/2015 của Bộ Tài chính và văn bản số 7512/BGTVT-TC ngày 12/6/2015 của Bộ Giao thông Vận tải, Tổng Công ty xây dựng Quy chế quản lý vật tư, thiết bị dự phòng cho hoạt động điều hành bay và áp dụng, cụ thể như sau:

- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại trên 01 năm và các vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) mua sắm theo dự án đầu tư sẽ ghi tăng vào nguyên giá của hệ thống tài sản và được quản lý, theo dõi, sử dụng và trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.
- Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ quản lý là công cụ, dụng cụ điều hành bay phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo. Vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị dưới 30 triệu đồng) sẽ quản lý theo dõi trong kho, khi xuất dùng ghi tăng chi phí thường xuyên của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm. Thời gian sử dụng ước tính của Tài sản cố định được tính theo thời gian sử dụng được hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

Năm 2017, Tổng Công ty tiếp tục áp dụng chế độ khấu hao nhanh một số tài sản theo Công văn số 9821/BTC-TCĐN ngày 15/07/2016 của Bộ Tài chính, Công văn số 10129/BGTVT-QLDN ngày 30/08/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc trích khấu hao nhanh tài sản cố định của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam và Quyết định số 386/QĐ-HĐTV ngày 13/09/2016 về việc Ban hành Quy định về thời gian trích khấu hao tài sản cố định áp dụng trong Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2020. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<b>Nhóm tài sản cố định</b>	<b>Thời gian sử dụng (năm)</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	03 - 04
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03
TSCĐ khác	10
<b>Tài sản cố định hình thành từ nguồn vốn vay thương mại</b>	
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 04
Máy móc, thiết bị	05 - 12,5

**3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy vi tính. Giá mua phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

# TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

### 3.9 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Giá trị khoản đầu tư của Tổng Công ty vào Công ty con được ghi nhận và phản ánh trong báo cáo tài chính của Công ty mẹ theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận được chia hàng năm từ công ty con được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm của Tổng Công ty.

### 3.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

### 3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm chủ yếu là giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian không quá 02 năm.

Đối với vật tư, thiết bị dự phòng (giá trị từ 30 triệu đồng trở lên) của các tài sản cố định có thời gian khấu hao còn lại dưới 01 năm sẽ quản lý là công cụ, dụng cụ điều hành bay phân bổ 50% vào chi phí trong năm hiện hành và phân bổ 50% vào chi phí năm tiếp theo.

### 3.12 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

#### Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã có sự giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua hoặc dịch vụ đã được thực hiện cho khách hàng và được người mua chấp nhận thanh toán.

- Phí bay qua vùng trời Việt Nam là khoản thu thuộc Ngân sách Nhà nước, Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam có trách nhiệm thu phí, nộp 100% vào Ngân sách Trung ương theo quy định tại Thông tư 146/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài Chính có hiệu lực từ ngày 01/01/2017 và áp dụng từ năm tài chính 2017.
- Doanh thu dịch vụ điều hành bay qua phát sinh trong năm được ghi nhận theo giá bay qua vùng thông báo bay do Việt Nam quản lý thực hiện theo Quyết định số 4405/QĐ-BGTVT ngày 15/12/2015 của Bộ Giao thông Vận tải.
- Doanh thu cung cấp dịch vụ điều hành bay qua vùng thông báo bay Việt Nam, dịch vụ điều hành bay đi, đến; điều hành bay nội địa và dịch vụ khác được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.

#### Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ các khoản lợi nhuận được chia từ công ty con, lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá, lãi bán ngoại tệ và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

### **3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (vốn hóa) cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### **3.14 THUẾ**

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT cho các loại hình dịch vụ của Công ty như sau:

- Giá dịch vụ điều hành bay qua chịu thuế suất là 0%; Phí bay qua vùng trời Việt Nam được nộp 100% vào ngân sách nhà nước theo Thông tư số 146/2016/TT-BTC ngày 06/10/2016 của Bộ Tài chính;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc tế đi, đến chịu thuế suất là 0%;
- Dịch vụ điều hành bay đi, đến cho các hãng hàng không quốc nội bay quốc tế chịu thuế suất 10%;
- Dịch vụ điều hành bay nội địa chịu thuế suất 10%.

Thuế GTGT đầu ra phải nộp của hoạt động điều hành bay được kê khai, nộp thuế và khấu trừ tập trung tại Công ty mẹ theo tỷ lệ tổng số doanh thu chịu thuế GTGT và số doanh thu không chịu thuế GTGT.

Thuế GTGT đầu vào và đầu ra phải nộp đối với hoạt động kinh doanh và hoạt động khác được kê khai, khấu trừ và nộp tại nơi phát sinh.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng theo quy định tại Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 của Quốc hội về “Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp” và Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”. Theo đó, thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp được Tổng Công ty áp dụng trong năm 2017 là 20%.

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Tổng Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

# TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tiền thuê đất được hạch toán và thực hiện nộp theo thông báo của cơ quan chức năng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### 4. BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

#### 5. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

##### Ghi nhận ban đầu

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

##### Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5,1 Tiền**

	<b>30/06/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Tiền mặt tại quỹ	2.212.347.270	1.192.505.044
Tiền gửi ngân hàng	748.504.833.939	639.243.011.476
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.764.815.392	109.267.331.521
<b>Cộng</b>	<b>791.481.996.601</b>	<b>749.702.848.041</b>

**5,2 Phải thu của khách hàng**

	<b>30/06/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>574.791.116.119</b>	<b>596.480.488.390</b>
TCT Hàng không Việt Nam - Công ty CP	58.137.587.464	50.571.490.210
Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airline	12.482.000.709	9.948.907.365
Công ty CP Hàng không Vietjet	42.224.025.115	59.765.283.433
Các hãng hàng không quốc nội khác	4.765.151.935	4.418.676.448
Các hãng hàng không quốc tế	75.835.260.680	83.440.064.686
Các hãng hàng không bay qua	366.175.283.280	372.918.653.730
Khách hàng khác	15.171.806.936	15.417.412.518

**5,3 Phải thu khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>23.017.504.982</b>	<b>37.157.767.365</b>
Tạm ứng	5.688.272.301	1.565.571.829
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	9.587.080.979	11.080.590.240
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	11.872.194.442
Phải thu từ BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN	3.312.565.288	818.853.704
Phải thu khác	4.429.586.414	11.820.557.150
<b>Dài hạn</b>	<b>300.052.902</b>	<b>310.052.902</b>
Ký cược, Ký quỹ	300.052.902	310.052.902
<b>Cộng</b>	<b>23.317.557.884</b>	<b>37.467.820.267</b>



**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5.6 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số đầu kỳ	1.185.396.533.415	2.959.914.402.493	52.422.395.116	64.164.412.187	3.478.420.151	4.265.376.163.362
Tăng trong kỳ	51.582.889.196	61.661.510.680	3.428.813.637	3.221.322.178	42.389.196	119.936.924.887
- Tăng do mua sắm	147.040.785	2.069.230.058	-	1.178.750.910	-	3.395.021.753
- Tăng do Đầu tư XD CB	49.585.151.486	47.974.613.575	3.428.813.637	1.059.432.065	-	102.048.010.763
- Hình thành từ quỹ phát triển khoa học	-	2.651.985.248	-	-	-	2.651.985.248
- Tăng do điều chỉnh theo p	962.851.443	4.506.917.202	-	8.734.055	42.389.196	5.520.891.896
- Tăng do nhận điều chuyển	887.845.482	4.458.764.597	-	974.405.148	-	6.321.015.227
<b>Giảm trong kỳ</b>	<b>(3.005.312.284)</b>	<b>(4.576.451.791)</b>	<b>-</b>	<b>(974.405.148)</b>	<b>-</b>	<b>(8.556.169.223)</b>
- Giảm do điều chuyển	(887.845.482)	(4.458.764.597)	-	(974.405.148)	-	(6.321.015.227)
- Giảm do điều chỉnh	(1.994.483.936)	(117.687.194)	-	-	-	(2.112.171.130)
- Giảm khác	(122.982.866)	-	-	-	-	(122.982.866)
Số cuối kỳ	1.233.974.110.327	3.016.999.461.382	55.851.208.753	66.411.329.217	3.520.809.347	4.376.756.919.026
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Số dư đầu kỳ	340.520.342.062	2.526.553.487.854	45.022.624.619	59.313.953.693	1.864.259.477	2.973.274.667.705
Số tăng trong kỳ	33.310.423.947	166.809.076.952	2.988.702.565	2.602.763.244	100.087.042	205.811.053.750
- Khấu hao trong kỳ	33.310.423.947	166.809.076.952	2.988.702.565	2.602.763.244	100.087.042	205.811.053.750
Số giảm trong kỳ	(100.384.746)	-	-	-	-	(100.384.746)
- Giảm khác	(100.384.746)	-	-	-	-	(100.384.746)
Số cuối kỳ	373.730.381.263	2.693.362.564.806	48.011.327.184	61.916.716.937	1.964.346.519	3.178.985.336.709
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Tại ngày đầu kỳ	844.876.191.353	433.360.914.639	7.399.770.497	4.850.458.494	1.614.160.674	1.292.101.495.657
- Tại ngày cuối kỳ	860.243.729.064	323.636.896.576	7.839.881.569	4.494.612.280	1.556.462.828	1.197.771.582.317

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5,7      Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

Chi tiêu	TSCĐ vô hình	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số đầu kỳ	157.655.445.023	157.655.445.023
Tăng trong kỳ	3.143.133.543	3.143.133.543
- Tăng do mua sắm	2.085.150.000	2.085.150.000
- Tăng do Đầu tư XDCB	1.057.983.543	1.057.983.543
Giảm trong kỳ	(4.020.617)	(4.020.617)
- Giảm do điều chỉnh	(4.020.617)	(4.020.617)
Số cuối kỳ	160.794.557.949	160.794.557.949
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	71.587.475.282	71.587.475.282
Số tăng trong kỳ	8.712.175.120	8.712.175.120
- Khấu hao trong kỳ	9.419.594.110	9.419.594.110
Số cuối kỳ	81.007.069.392	81.007.069.392
Giá trị còn lại		
- Tại ngày đầu kỳ	86.067.969.741	86.067.969.741
- Tại ngày cuối kỳ	79.787.488.557	79.787.488.557

**5,8      Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2018 (VND)	31/12/2017 (VND)
<b>Tổng số chi phí XDCB dở dang:</b>	<b>95.282.315.462</b>	<b>138.310.716.972</b>
<i>Trong đó các công trình lớn:</i>		
Đài KSKL Cảng HK quốc tế Cát Bi	6.413.393.173	6.208.647.718
Đài KSKL Cảng HKQT Tân Sơn Nhất	2.079.131.661	1.831.631.661
Cơ sở Đài kiểm soát tiếp cận Đà Nẵng	1.704.699.171	1.185.970.929
Dự án Đài kiểm soát không lưu Tuy Hòa	141.335.477	6.638.275.225
Dự án đầu tư cơ sở KDDV tại TTVHHK	11.815.272.206	11.815.272.206
Dự án Radar thứ cấp Qui Nhơn	1.292.831.027	650.927.112
Dự án Radar thứ cấp Vinh	1.200.865.904	1.171.010.019
Dự án Trạm Radar thứ cấp Cà Mau	4.745.197.865	4.722.034.503
Radar Sơ, thứ cấp Nội Bài	906.354.995	520.776.905
Trạm Radar sơ cấp, thứ cấp Cam Ranh	799.558.904	801.377.086
Trung tâm kiểm soát không lưu Hà Nội	6.742.537.709	2.380.539.732
Hệ thống số liệu điều hành bay	8.531.223.562	3.667.602.652
Cơ sở làm việc của Công ty TNHH Kỹ thuật QLБ	20.612.074.474	11.000.827.860
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DER Rạch Giá	3.908.318.495	1.599.721.458
Đầu tư VHF/VSAT Cà mau	1.055.168.512	740.935.585
Báo cáo đầu tư thay thế thiết bị DVOR/DME đã khai thác trên 15 năm	2.096.546.944	25.303.485

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5.9      Phải trả người bán**

	30/06/2018 (VND)	31/12/2017 (VND)
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>35.097.943.481</b>	<b>83.763.972.452</b>
Tổng công ty 36	10.956.914.884	10.742.671.680
Tổng công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Việt Nam	6.372.890.497	6.372.890.497
Tổng công ty xây dựng công trình Hàng Không ACC	6.718.987.296	18.520.118.639
Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và sản xuất (Tecapro)	1.684.644.200	1.127.151.300
Các đối tượng còn lại	9.364.506.604	47.001.140.336

**5.10      Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2018 (VND)	31/12/2017 (VND)
<b>Phải trả</b>		
Thuế giá trị gia tăng	8.252.173.284	5.009.787.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	63.029.874.722	50.392.374.641
Thuế thu nhập cá nhân	15.693.854.161	4.731.286.512
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	75.433.594.658
Thuế khác	109.362.056.412	78.858.142.780
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	201.481.006.555	217.717.411.798
<b>Cộng</b>	<b>397.818.965.134</b>	<b>432.142.597.547</b>

	30/06/2018 (VND)	31/12/2016 (VND)
<b>Phải thu</b>		
Thuế giá trị gia tăng	138.714.100	3.830.220.380
Thuế thu nhập cá nhân	-	328.988.176
Thuế khác	353.945.906	353.945.906
<b>Cộng</b>	<b>492.660.006</b>	<b>4.513.154.462</b>

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5,11 Chi phí phải trả**

	30/06/2018 (VND)	31/12/2017 (VND)
Thuê kênh vệ tinh quốc tế	2.763.128.097	8.946.863.390
Phí nhượng quyền khai thác Cảng hàng không	9.175.480.000	8.413.515.000
Dịch vụ bổ sung điều hành bay	5.593.450.000	
Dịch vụ Eurocat-X	-	1.488.446.700
Trích trước các chi phí đảm bảo hoạt động	85.297.923.462	9.105.711.420
<b>Cộng</b>	<b>102.829.981.559</b>	<b>27.954.536.510</b>

**5,12 Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	30/06/2018 (VND)	31/12/2017 (VND)
<b>A. Phải nộp, phải trả ngắn hạn</b>	<b>69.040.543.239</b>	<b>58.449.628.217</b>
Nhận tiền điều hành bay không xác định rõ số hóa đơn, trả trùng, trả thừa	7.537.573.829	6.160.854.461
Kinh phí công đoàn, BHXH, BHYT, BHTN	3.594.000.852	371.946.776
Giá trị TSCĐ, VTDP thuộc hệ thống cung cấp dịch vụ khí tượng nhận bàn giao từ ACV	45.740.271.356	48.587.881.043
Phải trả khác	12.168.697.202	2.374.280.083
<b>B. Phải nộp phải trả dài hạn</b>	<b>48.603.839.496</b>	<b>43.341.469.495</b>
Ký cược, ký quỹ điều hành bay	44.553.839.496	39.291.469.495
Ký cược, ký quỹ khác	4.050.000.000	4.050.000.000
	<b>117.644.382.735</b>	<b>101.791.097.712</b>

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**5.13    Vốn chủ sở hữu**

**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>Chênh lệch tỷ giá hối đoái</i>	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>LN sau thuế chưa phân phối</i>	<i>Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp</i>	<i>Tổng cộng</i>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.006.090.104.063	-	776.510.160.066	1.360.704.341	-	2.783.960.968.470
Tăng vốn trong năm trước	50.695.331.182	-	-	-	-	50.695.331.182
Lãi trong năm trước	-	-	-	769.851.585.730	-	769.851.585.730
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	224.232.988.499	(769.848.728.637)	290.224.185.413	(255.391.554.725)
Tăng khác	773.914.325.111	952.535.377	181.641.773	-	423.830.801	775.472.333.062
Chuyển thành vốn đầu tư	-	(952.535.377)	(773.914.325.111)	(415.120.835)	(290.648.016.214)	(1.065.929.997.537)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
<b>Số cuối năm trước</b>	<b>2.830.699.760.356</b>	<b>-</b>	<b>227.010.465.227</b>	<b>948.440.599</b>	<b>-</b>	<b>3.058.658.666.182</b>
Số dư cuối đầu năm nay	2.830.699.760.356	-	227.010.465.227	948.440.599	-	3.058.658.666.182
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	528.212.049.017	-	528.212.049.017
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	157.454.997.095	(526.492.885.086)	228.745.294.460	(140.292.593.531)
Tăng khác	-	1.991.515.650	-	-	-	1.991.515.650
Giảm khác	(22.598.120)	(1.991.515.650)	-	-	(228.745.294.460)	(230.759.408.230)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>2.830.677.162.236</b>	<b>-</b>	<b>384.465.462.322</b>	<b>2.667.604.530</b>	<b>-</b>	<b>3.217.810.229.088</b>

*Thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận không tách rời của Báo cáo tài chính*

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**6,1      Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	30/06/2018 (VND)	30/06/2017 (VND)
<b>Tổng doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.891.409.922.801</b>	<b>1.633.163.770.330</b>
Doanh thu điều hành bay qua	802.758.740.690	710.801.307.639
Doanh thu điều hành bay đi đến	712.293.939.352	595.415.017.962
Doanh thu điều hành bay quốc nội	340.082.181.250	290.118.989.878
Doanh thu AIP, khác trong công ích	1.446.817.718	1.786.927.094
Doanh thu cung cấp DV ngoài công ích	32.874.811.488	27.947.638.718
Doanh thu hàng hóa	1.953.432.303	7.093.889.039

**6,2      Các khoản giảm trừ doanh thu**

	30/06/2018 (VND)	30/06/2017 (VND)
<b>Tổng các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>20.369.279.924</b>	<b>14.873.963.793</b>
Giảm giá thu điều hành bay đi đến	9.841.190.886	5.915.442.188
Giảm giá thu điều hành bay quốc nội	10.528.089.038	8.958.521.605

**6,3      Doanh thu thuần**

	30/06/2018 (VND)	30/06/2017 (VND)
<b>D. thu thuần cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.871.040.642.877</b>	<b>1.618.289.806.537</b>
Doanh thu thuần hoạt động dịch vụ	1.869.087.210.574	1.611.195.917.498
Doanh thu thuần hoạt động hàng hóa	1.953.432.303	7.093.889.039

**6,4      Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	30/06/2018 (VND)	30/06/2017 (VND)
Giá vốn dịch vụ	1.217.019.884.426	1.123.692.772.973
Giá vốn hàng hóa	1.375.074.414	5.722.993.416
<b>Cộng</b>	<b>1.218.394.958.840</b>	<b>1.129.415.766.389</b>

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
**Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018**

**6,5      Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>30/06/2018</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.686.991.656	12.950.497.890
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.956.225.343	3.696.222.416
Lãi từ hoạt động bán ngoại tệ	2.210.391.500	4.055.771.055
<b>Cộng</b>	<b>30.853.608.499</b>	<b>20.702.491.361</b>

**6,6      Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>30/06/2018</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lỗ chênh lệch tỷ giá	308.170.483	3.274.690.031
Lỗ bán ngoại tệ	45.751.935	1.471.097.505
Trả lãi tiền vay		1.285.042.812
<b>Cộng</b>	<b>353.922.418</b>	<b>6.030.830.348</b>

**6,7      Thu nhập khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Thu từ cho thuê mặt bằng, điện, nước	194.243.042	299.306.472
phạt vi phạm hợp đồng	59.601.849	111.353.289
Thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng		129.295.000
Thu nhập khác	836.336.118	316.859.433
<b>Cộng</b>	<b>1.090.181.009</b>	<b>856.814.194</b>

**6,8      Chi phí khác khác**

	<b>30/06/2018</b>	<b>30/06/2017</b>
	<b>(VND)</b>	<b>(VND)</b>
Lãi chậm nộp		3.815.335
Chi khác	429.542.512	380.092.370
<b>Cộng</b>	<b>429.542.512</b>	<b>383.907.705</b>

**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
 Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
 Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**6,9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<u>30/06/2018</u>	<u>30/06/2017</u>
	(VND)	(VND)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	132.259.764.192	96.270.723.533
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành của năm nay		
<b>Cộng</b>	<b>132.259.764.192</b>	<b>96.270.723.533</b>
(i) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế đến ngày 30/06/2018		
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:</b>	<b>660.471.813.209</b>	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	827.007.757	
<i>Lãi CLTG đánh giá cuối kỳ loại trừ khỏi doanh tính thuế</i>	<i>(1.913.292.553)</i>	
<i>Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(36.387.302)</i>	
<i>Chi phí không được trừ khi tính thuế</i>	<i>2.776.687.612</i>	
<b>Tổng thu nhập chịu thuế:</b>	<b>661.298.820.966</b>	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	132.259.764.192	

CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM  
 HÀ NỘI



**TỔNG CÔNG TY QUẢN LÝ BAY VIỆT NAM      BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Địa chỉ: Số 6, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Từ ngày 01/01/2018 và đến ngày 30/06/2018

**7      NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2017, Báo cáo tài chính năm 2017 của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam – Hợp nhất đã được kiểm toán.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018

**NGƯỜI LẬP**



**Hoàng Anh Việt**

**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**Ngô Thị Quỳnh Hà**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đoàn Hữu Gia**